

Số: 1044/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành mô tả chương trình đào tạo hệ chuẩn, trình độ đại học
ngành Kinh tế quốc tế

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-HVCSPT ngày 25/08/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển về việc ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn - trình độ đại học ngành Kinh tế quốc tế ;

Căn cứ đề xuất của Khoa Kinh tế quốc tế và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mô tả chương trình đào tạo hệ chuẩn, trình độ đại học ngành Kinh tế quốc tế, áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (có mô tả chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Kinh tế quốc tế, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo t/h);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1044/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế Quốc tế

Tên tiếng Anh: International Economics

- Mã số ngành đào tạo: 7310106

- Tên chuyên ngành: **Kinh tế đối ngoại**

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5- 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế Quốc tế

Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in International Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Kinh tế Quốc tế

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Quốc tế, chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, nắm vững kiến thức chuyên môn sâu về kinh tế quốc tế, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có kỹ năng thực hành tốt để có thể thực hiện công việc một cách khoa học, sáng tạo và có hiệu quả trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và các lĩnh vực khác có liên quan.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Quốc tế, chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp:

(MT1) Có kiến thức và hiểu biết cơ bản về chính trị, kinh tế và xã hội, đặc biệt có khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề thực tiễn kinh tế xã hội của Việt Nam.

(MT2) Nắm vững kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế và các lĩnh vực liên quan khác bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, kinh doanh quốc tế, tài chính quốc tế, luật kinh tế quốc tế và những chính sách định hướng cho các quan hệ đó; nghiên cứu các

hình thức liên kết kinh tế quốc tế và tác động của hội nhập đến việc hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại của các quốc gia; nắm được các mô hình kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc biệt là mô hình chuỗi cung ứng toàn cầu và hiểu được cách thức vận hành, tổ chức và kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp tham gia trong chuỗi cung ứng.

(MT3) Có khả năng vận dụng các hiểu biết chuyên môn kết hợp với phương pháp phân tích sử dụng các công cụ toán học, thống kê kinh tế, phương pháp luận để đánh giá các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung và kinh tế quốc tế nói riêng, đồng thời có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm kiếm, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc, cũng như khả năng nghiên cứu độc lập để tiếp tục theo đuổi các bậc học cao hơn.

(MT4) Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách và hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước trong khu vực và các tổ chức kinh tế - tài chính toàn cầu.

(MT5) Có năng lực thực hành tốt và các kỹ năng cần thiết như ngoại ngữ, tin học, phối hợp làm việc nhóm, quản lý thời gian... thích ứng với các vị trí công việc khác nhau trong tương lai.

(MT6) Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hợp tác trong thực hiện và tự chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao; có phẩm chất chính trị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.
- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- + Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.
- + Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế Quốc tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.
- + Có khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học độc lập, hoạt động đầu tư phát triển và đầu tư tài chính ở khu vực công và các doanh nghiệp, tổ chức.

1.2.5. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển và có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau:

Nhóm 1 - Chuyên viên tư vấn, phân tích chính sách về kinh tế quốc tế: Có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ trung ương đến địa phương; có thể đảm nhận các công việc cụ thể: phân tích thực trạng, đánh giá tác động của các hoạt động đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế, chính sách kinh tế đối ngoại...;

Nhóm 2 - Cán bộ dự án: Có đủ năng lực làm việc tại các dự án phát triển, các tổ chức quốc tế liên quan đến lĩnh vực kinh tế đối ngoại;

Nhóm 3 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: giảng dạy các môn liên quan đến Kinh tế học, Kinh tế quốc tế; nghiên cứu, tư vấn về đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế, tài chính quốc tế...; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu.

Nhóm 4 - Nhân viên trong khu vực doanh nghiệp: Có khả năng làm việc tại bộ phận kinh doanh xuất nhập khẩu, đối ngoại, marketing... của các doanh nghiệp có giao dịch với các đối tác nước ngoài, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các khu công nghiệp...

1.3. Thông tin tuyển sinh

**** Đối tượng tuyển sinh:***

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

**** Phương thức tuyển sinh:***

Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện

1.4. Điều kiện nhập học:

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện

[1]. Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt là chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4]. Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. Chuẩn đầu ra chung của ngành Kinh tế Quốc tế

[5]. Nắm vững lý thuyết và phương pháp luận của thống kê kinh tế; vận dụng các phương pháp thống kê này trong việc thu thập, xử lý, và phân tích những hiện tượng kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế; Sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản để phân tích dữ liệu lớn và giải quyết một số bài toán kinh tế..

[6]. Hiểu một số hoạt động cơ bản của các chủ thể khác nhau trong nền kinh tế, bao gồm nhà nước và doanh nghiệp; có thể vận dụng những hiểu biết này để tổ chức thực hiện các hoạt động thương mại, đầu tư, quản lý tài chính dự án, nghiên cứu thị trường nước ngoài, vận hành, điều phối các hoạt động vận tải, giao nhận, điều phối chuỗi cung ứng nội bộ doanh nghiệp cũng như kinh doanh logistics..

[7]. Nắm vững kiến thức nền tảng, các quy luật, quy định pháp luật và các chính sách cơ bản trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế, bao gồm đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế; vận dụng các kiến thức này để phân tích các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực thương mại và đầu tư nước ngoài ở cả hai cấp độ vi mô và vĩ mô..

[8]. Nhận thức được toàn cầu hóa và các rủi ro mà các quốc gia, cũng như doanh nghiệp phải đối mặt; vận dụng để phân tích và đánh giá các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi tham gia vào nền kinh tế thế giới.

A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành

[9]. Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về kinh doanh quốc tế và marketing quốc tế, trên cơ sở đó lập kế hoạch kinh doanh và marketing cho doanh nghiệp ở thị trường nước

ngoài; phân tích và đánh giá được hiệu quả của các chiến lược này đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

[10]. Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức quản trị chuỗi cung ứng và logistics vào hoạch định, vận hành và kiểm soát hoạt động cung ứng giữa các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

[11]. Nắm vững và có kiến thức chuyên môn sâu về tài chính quốc tế, quản lý đề tỷ giá, ngoại hối của chính phủ và hoạt động kinh doanh ngoại hối của doanh nghiệp; có thể vận dụng các kiến thức này vào giải quyết các công việc trong thực tiễn.

[12]. Nắm vững và có khả năng vận dụng các kiến thức về giao dịch thương mại quốc tế, đàm phán kinh tế quốc tế, thực hiện các quy trình nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế... tại các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu, ngân hàng thương mại.

[13] Hiểu kiến thức chuyên môn sâu về luật kinh tế quốc tế; ứng dụng được các kiến thức này để quản lý và điều hành các tổ chức có hoạt động trong môi trường quốc tế theo đúng thể chế và quy định; có khả năng đề xuất, hoạch định chính sách trong các lĩnh vực kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế cho các cơ quan bộ ban ngành của nhà nước.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[14]. Lặp lại và làm được các công việc trong các ngành nghề lĩnh vực chuyên môn khác nhau của kinh tế quốc tế; có khả năng tổng hợp, tự nghiên cứu các vấn đề chuyên môn và liên quan gần với chuyên môn.

[15]. Phối hợp các kỹ năng chuyên môn, thích nghi khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc; chịu được áp lực công việc cao.

[16]. Có khả năng nghe, nói, đọc viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn; thực hiện thuần thục kỹ năng tin học văn phòng.

B.2. Kỹ năng mềm

[17]. Làm được, làm chính xác các công việc một cách độc lập, xác lập các mục tiêu, kế hoạch phát triển cho bản thân; xây dựng được kỹ năng tư duy phản biện; biết sắp xếp ý tưởng, lập luận, thực hiện thuyết trình và thuyết phục dưới dạng nói và văn bản.

[18]. Phối hợp được khi làm việc nhóm, thiết lập mục tiêu, xây dựng kế hoạch, kỹ năng thực hành, điều hành, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức công việc ... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

[19]. Tiếp nhận, đáp ứng và đánh giá các diễn biến công việc phát sinh, kết quả công việc chuyên môn trong thực tiễn kinh tế quốc tế; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

[20]. Tổ chức thiết lập và hình thành phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh, trách nhiệm tại cơ sở tuyển dụng và xã hội; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm với kết quả thực thi công việc, trung thực; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **130 tín chỉ** (không bao gồm các học phần tiếng anh cơ bản 1, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng), trong đó:

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	41	31.5%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	68.5%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	27	20.8%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	18	13.9%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	6.9%
2.2. Kiến thức ngành	26	20%
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	13.1%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	6.9%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	26	20%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	17	13.1%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	6.9%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	100%

3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số TC	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
3	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
4	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1

5	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
6	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
7	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
8	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
9	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
12	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
16	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
2.--> Giáo dục quốc phòng				
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	
3.--> Giáo dục thể chất				
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
4. Không tính điểm				
1	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			18	
1	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
2	CSCS11	Chính sách công	3	3
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
4	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
5	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	3
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	4
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			9	
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	4
2	QTHO06	Quản trị học	3	4
3	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	3
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
5	KHCO08	Đầu tư công	2	4
6	KTTC02	Kế toán tài chính	3	3
7	QTMA	Marketing căn bản	3	4
8	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	3

7. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành			17	
1	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	5
3	ĐNQT15	Đầu tư quốc tế	3	5
4	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	3	5
5	ĐNTC04	Toàn cầu hóa và các rủi ro	3	6
6	TMQT11	Logistic cơ bản	3	5
8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành			9	
1	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
2	KHKT11	Kinh tế phát triển	2	5
4	TOKT05	Kinh tế lượng	3	5
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	6
5	ĐNQT17	Quản trị dự án đầu tư nước ngoài	3	6
6	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	5
9. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			17	
1	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3	7
2	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
3	TCQT13	Tài chính quốc tế	2	6
4	ĐNĐP06	Đàm phán kinh tế quốc tế	3	7
5	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	6
6	LUQT04	Pháp luật kinh tế quốc tế	3	7
10. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			9	
2	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	5
1	ĐNTT11	Thư tín thương mại	3	6
3	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	6
4	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	7
5	QTKD14	Thương mại điện tử	3	7
11. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp			10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
3	ĐNTN02	Kinh doanh quốc tế tốt nghiệp	3	8
4	ĐNTN01	Kinh tế quốc tế tốt nghiệp	3	8
TỔNG TÍN CHỈ			130	

Ghi chú: () Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.*

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương				41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên cần nắm được những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	2	
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng	3	
3	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ hiện nay	2	
4	LUĐC01	Pháp luật đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các nguyên lý cơ bản về pháp luật, các bộ luật cơ bản, các thể thức văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam	3	
5	TOĐC06	Tin học đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về sử dụng máy tính cơ bản, mạng Internet và đặc biệt là kiến thức tin học văn phòng gồm Word, Excel, PowerPoint	3	
6	TOCC05	Toán cao cấp	Sinh viên cần nắm được các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích kinh tế như mô hình tuyến tính, ma trận, định thức. Ngoài ra, sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao đạo hàm, vi phân, tích phân, cụ thể hàm số và ứng dụng.	3	
7	THML04	Triết học Mác - Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển.	3	1
8	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, quy luật kinh tế hàng hóa; hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.	2	2

9	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô	3	
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên và các công thức tính xác suất. Hiểu các thu thập số liệu mẫu, tính toán các tham số mẫu để từ đó giải quyết được các bài toán ước lượng và kiểm định.	3	
11	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1	3	
12	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, nội dung lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam	2	
13	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
14	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng nhận dạng, xây dựng, phát triển, thiết kế khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học	3	
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
2.--> Giáo dục quốc phòng					
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	Cung cấp kiến thức về an ninh, quốc phòng và bảo vệ tổ quốc cho sinh viên.	8	
3.--> Giáo dục thể chất					
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	Không tính điểm
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	

4. Không tính điểm					
1	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh đơn giản; từ vựng hằng ngày; kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết đối với người mới học	3	
2	QTKN01	Phát triển kỹ năng	Phối hợp được khi làm việc nhóm, thiết lập mục tiêu, xây dựng kế hoạch, kỹ năng thực hành, điều hành, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức công việc ... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.	3	
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành				18	
1	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chính sách tài khóa; chính sách tiền tệ của mỗi quốc gia cũng như những khái niệm mở đầu về quản lý tài chính của doanh nghiệp.	3	
2	CSCS11	Chính sách công	Sinh viên cần nắm được kiến thức về công cụ chính sách; hoạch định và thực thi chính sách công.	3	
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark; biết cách trực quan hóa và phân tích dữ liệu với Tableau và Excel.	3	
4	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng thống kê và phân tích thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội	3	
5	LUKT02	Pháp luật kinh tế	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư, đầu tư công, đấu thầu, ngân sách, doanh nghiệp.	3	
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	Sinh viên cần nắm được kiến thức về doanh thu, lợi nhuận, chi phí, dòng tiền của doanh nghiệp; quản lý rủi ro tài chính doanh nghiệp	3	
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành				9	
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Cung cấp các kiến thức nền tảng về đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, từ đó nâng cao nhận thức của sinh viên và hình thành tư duy đúng đắn trong lựa chọn nghề nghiệp và sáng tạo giá trị cho xã hội.	3	4

2	QTHO06	Quản trị học	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp họ có thể thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.	3	4
3	QHDL07	Địa lý Kinh tế	Cung cấp cho người học kiến thức để có thể trả lời được hai câu hỏi: Ở đâu và tại sao trong các hoạt động kinh tế. Đồng thời, sinh viên nắm được một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực tiêu biểu trên thế giới, có tư duy phân tích, phân biện, giải quyết các vấn đề tổng hợp và liên ngành.	3	3
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lý thuyết hạch toán kế toán; cân đối kế toán; các phương pháp: tài khoản, tính giá, chứng từ kế toán,...	3	3
5	KHCO08	Đầu tư công	Sinh viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư khu vực công và những cơ chế chính sách của Việt Nam trong quản lý hoạt động đầu tư công; đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư công; phương pháp lập dự án đầu tư công; thẩm định dự án đầu tư công; và đấu thầu công.	2	4
6	KTTC02	Kế toán tài chính	Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán doanh nghiệp, bao gồm kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước, kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương...	3	3
7	QTMA	Marketing căn bản	Người học sẽ nắm được những kiến thức Marketing, quan điểm về Marketing, các loại môi trường marketing, đặc điểm để phân biệt các loại môi trường, loại hình hành vi mua hàng của người tiêu dùng, các loại sản phẩm và chu kỳ sống của sản phẩm...	3	4
8	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản, chuyên ngành về kinh tế và quản lý hoạt động đầu tư phát triển trên phạm vi vĩ mô.	3	3
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành				17	
1	ĐNQTO9	Kinh tế quốc tế	Sinh viên cần nắm được quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới	3	4

			của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế; dòng vận động của các luồng hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia và khu vực trong nền kinh tế thế giới.		
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	Sinh viên cần biết các kỹ năng thực tế về thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ cho hoạt động kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và logistics...	2	5
3	ĐNQT15	Đầu tư quốc tế	Sinh viên cần nắm được những vấn đề lý luận và thực tiễn về đầu tư quốc tế; phân tích các lý thuyết đầu tư quốc tế, các hình thức đầu tư quốc tế, yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế, các chính sách thu hút và thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài, đánh giá hiệu quả thu hút FDI, mua lại và sáp nhập trong đầu tư quốc tế.	3	5
4	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	Sinh viên cần nắm được thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các các hình thức, nguyên nhân, cơ chế điều tiết, các xu hướng phát triển thương mại quốc tế; các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế, các chính sách thương mại quốc tế; các vấn đề thương mại quốc tế đang diễn ra như hiệp định thương mại tự do và các vấn đề liên quan, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.	3	5
5	ĐNTC04	Toàn cầu hóa và các rủi ro	Sinh viên cần nắm được quá trình toàn cầu hóa của các mối quan hệ kinh tế quốc tế, biểu hiện của nó và các rủi ro liên quan tới các quan hệ kinh tế quốc tế này cũng như ảnh hưởng của các rủi ro này đến hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia; các gợi ý chính sách để phòng tránh các rủi ro.	3	6
6	TMQT11	Logistic cơ bản	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản về logistics và hoạt động logistics trong doanh nghiệp như dịch vụ khách hàng, vận tải, kho và bao bì đóng gói, sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản	3	5

			xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất với chi phí tối ưu; tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình sản xuất được tiến hành đúng mục tiêu.		
8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành				9	
1	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	Sinh viên nắm được các từ vựng chuyên ngành và mẫu câu giao tiếp cơ bản đến chuyên sâu phục vụ các công việc trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh.	3	5
2	KHKT11	Kinh tế phát triển	Sinh viên nắm được các nguyên lý phát triển kinh tế, khái quát sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ qua lại giữa kinh tế và xã hội.	2	5
4	TOKT05	Kinh tế lượng	Sinh viên cần nắm được cách xây dựng mô hình kinh tế lượng từ hàm hồi quy đơn, hồi quy bội, đồng thời phát hiện các khuyết tật trong mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi.	3	5
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	Sinh viên cần nắm được quá trình, phạm vi, bản chất, vai trò và những nội dung cơ bản của nghiên cứu kinh doanh, thực hiện nghiên cứu kinh doanh một cách khoa học; các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu kinh doanh; cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu có hiệu quả.	3	6
5	ĐNQT17	Quản trị dự án đầu tư nước ngoài	Sinh viên nắm được các khái niệm, kiến thức, công cụ và kỹ thuật nhằm đạt được các mục tiêu và tăng khả năng thành công của dự án đầu tư nước ngoài đối các doanh nghiệp/công ty xuyên quốc gia khi đầu tư tại Việt Nam hoặc các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Đồng thời, môn học cũng hướng dẫn quy trình, kỹ năng lập và thẩm định các dự án đầu tư nước ngoài.	3	6
6	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	Học phần trang bị cho sinh viên những phương pháp và công cụ kỹ thuật nền tảng để thực hiện những nghiên cứu chứng thực về hoạt động kinh tế vĩ mô của nền kinh tế	3	5
9. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành				17	

1	ĐNMA05	Marketing quốc tế	Sinh viên nắm vững kiến thức tổng quan về hoạt động marketing quốc tế của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Các nội dung kiến thức gồm có: bản chất của marketing quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing quốc tế của doanh nghiệp, khái niệm và phương pháp nghiên cứu thị trường thế giới. Đặc biệt, học phần đi sâu vào các nội dung lý thuyết lẫn thực tiễn liên quan đến các quyết định quan trọng của doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động marketing ở nước ngoài,	3	7
2	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	Sinh viên cần nắm được các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận và thực tiễn nghiệp vụ về thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu, cụ thể về cách nhận diện và phòng ngừa rủi ro; các công cụ, chứng từ trong thanh toán quốc tế; các phương thức thanh toán quốc tế thông dụng; cũng như cách thức tài trợ thương mại quốc tế của ngân hàng cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay	3	7
3	TCQT13	Tài chính quốc tế	Sinh viên cần nắm được kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo cả hai hướng tiếp cận tài chính quốc tế vĩ mô (nghiên cứu mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong lĩnh vực tiền tệ và chính sách kinh tế vĩ mô giữa các quốc gia) và tài chính quốc tế vi mô (nghiên cứu những ảnh hưởng của tài chính quốc tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty).	2	6
4	ĐNDP06	Đàm phán kinh tế quốc tế	Sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về đàm phán, các hình thức đàm phán khác nhau, các bước chuẩn bị và tổ chức một cuộc đàm phán. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình... Sinh viên có thể lập kế hoạch các bước trong quá trình tổ chức một cuộc đàm phán kinh tế quốc tế; các yếu tố tác động đến kết quả đàm phán; tố chất người đàm phán.	3	7

5	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu, bao gồm chuẩn bị, tìm hiểu để ký kết hợp đồng, Incoterms, xây dựng hợp đồng mua bán hàng hóa, thực hiện hợp đồng, vận chuyển hàng hóa, mua bảo hiểm và thanh toán.	3	6
6	LUQT04	Pháp luật kinh tế quốc tế	Sinh viên cần nắm được nội dung kiến thức pháp luật kinh tế quốc tế, bao gồm các quy định trong thương mại, đầu tư, và quan hệ pháp lý giữa các quốc gia, các tổ chức và các thương nhân trong lĩnh vực thương mại và đầu tư quốc tế.	3	7
10. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành				9	
2	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đấu thầu nói chung, quy trình tham gia dự thầu và những kinh nghiệm cơ bản để thắng thầu, những quy trình tổ chức đấu thầu trong nền kinh tế thị trường	3	5
1	ĐNTT11	Thư tín thương mại	Sinh viên cần nắm được các loại thư tín thương mại, bao gồm hỏi hàng, chào hàng, đặt hàng, thanh toán và khiếu nại; cũng như cách thức soạn thảo một số loại thư tín thương mại bằng tiếng Anh đáp ứng yêu cầu cơ bản về hình thức, nội dung, văn phong, phù hợp theo thông lệ và tập quán quốc tế.	3	6
3	ĐNQTT11	Kinh doanh quốc tế	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, bao gồm khái niệm và lý thuyết giải thích sự hình thành và phát triển của kinh doanh quốc tế, các đặc điểm của môi trường và tác động của nó đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, các xu hướng và chiến lược kinh doanh toàn cầu hiện nay; các chỉ tiêu đo lường và đánh giá hiệu quả xuất nhập khẩu, đầu tư quốc tế của doanh nghiệp.	3	6
4	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	Sinh viên cần nắm được những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạch định và quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, vai trò và tầm quan trọng của quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, tác động của sự phát triển của công nghệ	3	7

			thông tin đến quản lý chuỗi cung ứng ngày nay, ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động thu mua trong chuỗi cung ứng...		
5	QTKD14	Thương mại điện tử	Sinh viên cần nắm được các nội dung kinh doanh trên Internet, các loại hình kinh doanh trên Internet, các điều kiện cần thiết để kinh doanh trên Internet, các vấn đề về cơ sở hạ tầng pháp lý, kinh tế, xã hội có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh trên Internet.	3	7
11. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp				10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp		4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp		6	8
3	ĐNTN02	Kinh doanh quốc tế tốt nghiệp	Môn học bổ sung những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa thị trường và toàn cầu hóa sản xuất, giúp người học nhận thức rõ sự khác biệt trong môi trường kinh doanh giữa các quốc gia.	3	8
4	ĐNTN01	Kinh tế quốc tế tốt nghiệp	Môn học bổ sung những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về kinh tế quốc tế, bao gồm các quan hệ thương mại, đầu tư và hợp tác giữa các quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu hiện nay. Các chủ đề được cập nhật và thảo luận xoay quanh những vấn đề thời sự của nền kinh tế thế giới và tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam.	3	8
TỔNG TÍN CHỈ				130	

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

- Tư vấn cho sinh viên về chương trình học tập: mục tiêu, nội dung và cách lựa chọn các học phần cho phù hợp;

- Tư vấn cho sinh viên đăng ký các học phần của từng học kỳ, điều chỉnh kế hoạch học cá nhân phù hợp với tiến độ mục tiêu (học đúng tiến độ, học nhanh hay học chậm), tư vấn kế hoạch cụ thể của từng học kỳ cho phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành đào tạo, vừa phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh kinh tế của sinh viên;

- Tư vấn cho sinh viên sử dụng các tính năng của phần mềm quản lý đào tạo để đăng ký lịch học, hủy lịch, theo dõi kết quả học tập, thông tin cá nhân để có những đề xuất điều chỉnh cho phù hợp;

- Tư vấn và hướng dẫn cho sinh viên về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình học tập;

- Thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên, nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút, phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thông báo cho gia đình của sinh viên thuộc diện cảnh báo và buộc thôi học;

- Thảo luận và hướng dẫn sinh viên cách chọn đề học thành công song song hai chương trình, học cải thiện, cách tính điểm học tập và rèn luyện;

- Kiểm tra, ký chấp nhận hoặc từ chối vào Đơn thay đổi, hủy hoặc đăng ký học thêm, học cải thiện các học phần của sinh viên;

- Kiểm tra, xác minh và ký xác nhận và Đơn xin thôi học, bảo lưu của sinh viên;

- Phối hợp và hỗ trợ các Khoa chuyên ngành, các Phòng chức năng, các tổ chức của Học viện trong việc tổ chức các phong trào, các hoạt động ngoại khóa và tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội khác của sinh viên;

- Phối hợp với Khoa chuyên ngành, Ban cán sự lớp và các tổ chức Đoàn, Hội sinh viên để theo dõi, đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên, nhận xét và tham gia cho điểm rèn luyện theo quy định về đánh giá, xếp loại sinh viên; xét khen thưởng, kỷ luật sinh viên,...;

- Các công việc khác theo yêu cầu của Học viện và Khoa chuyên ngành.

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên chuyên ngành Đầu tư được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Học viện, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như Câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), Câu lạc bộ sinh viên tình nguyện APD, Câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, Câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa Kinh tế quốc tế và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Học viện như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động tìm kiếm các nhà tài trợ là các chủ doanh nghiệp cấp học bổng hoặc các khóa học ngắn hạn nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế, logistics...

3.4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và tạo niềm đam mê nghiên cứu khoa học trong sinh viên, Khoa Kinh tế quốc tế định kỳ tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên. Trong chương trình đào tạo của chuyên ngành có học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học, với học phần này, sinh viên sẽ được học lý thuyết về phương pháp nghiên cứu khoa học và thực hiện các báo cáo nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của các thầy cô trong Khoa, trong Học viện thông qua tiểu luận môn học. Với những tiểu luận có chất lượng tốt sẽ được thầy cô nâng cấp thành các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Khoa. Ngoài ra, vào mỗi đầu năm học, Khoa sẽ đưa ra các danh mục các hướng đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên và danh sách các thầy cô hướng dẫn để sinh viên đề xuất các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành đào tạo, với nguồn lực của sinh viên. Trên cơ sở đề xuất này kết hợp với các tiểu luận đạt chất lượng tốt của môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, Khoa sẽ phân công giáo viên hướng dẫn khoa học cho các nhóm nghiên cứu để triển khai, tổ chức tọa đàm và hội nghị nghiên cứu khoa học để các nhóm nghiên cứu của sinh viên báo cáo kết quả nghiên cứu của mình trước Hội đồng và các sinh viên tham dự Hội nghị. Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên của Khoa được tổ chức với hệ thống chấm điểm theo các tiêu chí rõ ràng, công khai nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình nghiên cứu.

PHẦN 4: MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CĐR	Mục tiêu của CTĐT					
	MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6
CĐR 1	X					
CĐR 2	X					
CĐR 3	X					
CĐR 4	X					
CĐR 5		X	X	X		
CĐR 6		X	X	X		
CĐR 7		X	X	X		
CĐR 8		X	X	X		
CĐR 9		X	X	X		
CĐR 10		X	X	X		
CĐR 11		X	X	X		
CĐR 12		X	X	X		
CĐR 13		X	X	X		
CĐR 14			X		X	
CĐR 15			X		X	
CĐR 16			X		X	
CĐR 17			X		X	
CĐR 18			X		X	
CĐR 19			X			X
CĐR 20			X			X

4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức	CHUẨN ĐẦU RA																			
			(tín chỉ)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&QP)			41																				
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2																			x
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3				2																
3	THLD07	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2																			x
4	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3		2																		
5	TOĐC06	Tin học đại cương	3			2																	
6	TOCC05	Toán cao cấp	3			2																	
7	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2																			x
8	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2																			x
9	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3				2																
10	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			2																	
11	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			2																	
12	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2																			x
13	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3																				x
14	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3																				x
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3																				x
16	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3																				x
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8																				x
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2																				x
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2																				x
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2																				x

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	CHUẨN ĐẦU RA																			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3																	x	x		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			89																				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			27																				
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			18																				
1	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3				4										x	x	x	x	x		x
2	CSCS11	Chính sách công	3				2																
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3				4										x	x	x	x	x		
4	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3				4																
5	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3		2																		
6	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3			2												x	x				x
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			9																				
1	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3				4										x	x	x	x	x	x	x
2	QTHO06	Quản trị học	3				2										x	x	x	x	x		
3	QHDL07	Địa lý Kinh tế	3				2																x
4	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3				4																x
5	KHCO08	Đầu tư công	2				2																
6	KTTC02	Kế toán tài chính	3				4																x
7	QTMA	Marketing căn bản	3				4										x	x	x	x	x		
8	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3				4																x
2.2. Kiến thức ngành			26																				
2.2.1. Ngành bắt buộc			17																				
1	ĐNQ09	Kinh tế quốc tế	3				2		4	4	3						x	x	x	x	x		x
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2					2	2	2	2	2	2	2	2	2	x	x	x	x	x		x

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	CHUẨN ĐẦU RA																			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	ĐNQT15	Đầu tư quốc tế	3		2		2		4	5					4	x		x		x	x	x	
4	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	3		2		2		2	3	3	3			3	3	x	x	x	x	x	x	
5	ĐNTC04	Toàn cầu hóa và các rủi ro	3				2			4	5				6	6		x	x	x	x	x	
6	TMQT11	Logistic cơ bản	3		2		2	3						4					x	x	x		
2.2.2. Ngành tự chọn			9																				
1	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3																x				
2	KHKT11	Kinh tế phát triển	2				2																
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3				4										x	x	x	x	x		
4	TOKT05	Kinh tế lượng	3				4														x	x	
5	ĐNQT17	Quản trị dự án đầu tư nước ngoài	3		2	2			4						4				x		x	x	
6	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3				4	4				2	2	2		2	x					x	
2.3. Kiến thức chuyên ngành			26																				
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			17																				
1	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3					4	4			6					x	x	x	x	x	x	
2	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3				2			3					5		x	x		x	x	x	
3	TCQT13	Tài chính quốc tế	2				2							3		4			x	x	x		
4	ĐNĐP06	Đàm phán kinh tế quốc tế	3		2		4			5			4	4	4	4			x	x		x	
5	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3				2			3					5		x	x		x	x	x	
6	LUQT04	Pháp luật kinh tế quốc tế	3		2	3	4	5														x	
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn			9																				
1	ĐNTT11	Thư tín thương mại	3												4		x	x	x	x	x	x	
2	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3				2															x	
3	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3				2	2	4	4			5				x	x	x	x	x	x	

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	CHUẨN ĐẦU RA																			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
4	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3									5			2	x	x	x	x	x	x	x	
5	QTKD14	Thương mại điện tử	3		2		2		2	3	3	3			3	3	x	x	x	x	x	x	
2.4. Kiến thức tốt nghiệp			10																				
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	3	3	3	3	4	4	4	4	5	5	5	5	5	x	x	x	x	x	x	
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	3	3	3	3	4	4	4	4	5	5	5	5	5	x	x	x	x	x	x	
3	ĐNQT01	Kinh tế quốc tế tốt nghiệp	3				4			5	5						x	x	x	x	x	x	
4	ĐNQT02	Kinh doanh quốc tế tốt nghiệp	3						4		6	6					x	x	x	x	x	x	
TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC & Quốc phòng)			130																				

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom

(1) Nhớ

(2) Hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Đánh giá

(6) Sáng tạo

(* Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1. Thời gian đào tạo

Học viện tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cho một chuyên ngành cụ thể. Thời gian đào tạo thiết kế cho một khóa học bậc đại học chính quy ở Học viện Chính sách và Phát triển là 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 12 tuần thực học. Ngoài 2 học kỳ chính, Giám đốc Học viện xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học.

c) Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo: Thời gian tối đa cho mỗi chương trình đào tạo trình độ đại học tại Học viện là 8 năm.

5.1.2. Cách thức thực hiện

Đầu khóa học, Học viện thông báo đến sinh viên nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

a) Phòng Quản lý đào tạo: phổ biến các quy định, quy chế về đào tạo, chương trình đào tạo của tất cả các chuyên ngành trong toàn Học viện (qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa và qua Cổng thông tin đào tạo của Học viện). Đầu mỗi học kỳ thông báo kế hoạch giảng dạy và số học phần sinh viên được đăng ký, số tín chỉ cần tích lũy tối thiểu.

b) Phòng Chính trị và Công tác sinh viên: thông báo các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên như chế độ chính sách (học phí, học bổng), khen thưởng, kỷ luật... và các chế độ khác trong công tác quản lý sinh viên trong đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa.

c) Các Khoa/ Bộ môn có chuyên ngành đào tạo: thông báo đến sinh viên chương trình, kế hoạch đào tạo toàn khóa học (thông qua cố vấn học tập). Đầu mỗi học kỳ thông báo kế hoạch giảng dạy và số học phần sinh viên được đăng ký, số tín chỉ cần tích lũy tối thiểu.

d) Giảng viên giảng dạy trực tiếp: thông báo kế hoạch học tập của các học phần trong đề cương chi tiết học phần (đã được ban hành cùng với chương trình đào tạo) được phê duyệt.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp được quy định là:

- (i) Trong thời gian học tập tối đa của khóa học;
- (ii) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;
- (iii) Tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo;
- (iv) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,0 trở lên (thang điểm 4);
- (v) Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định;
- (vi) Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS;
- (vii) Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên chuyên ngành Thương mại quốc tế và logistics được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký);

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần;

- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học;

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ;

Đối với từng học phần trong chương trình đào tạo thì được đánh giá theo tiêu chí sau:

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Điểm chuyên cần	20%	Tích cực trên lớp (10%) Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

5.3. Phương pháp dạy - học

- Dựa trên triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần được thiết kế nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Chương trình đào tạo hướng tới việc đáp ứng nhu cầu sinh viên, do đó việc lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên được quan tâm. Sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện...

- Điểm chuyên cần của sinh viên được tính theo quy định chung của Học viện và được thông báo rõ cho sinh viên từ khi bắt đầu môn học. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện./.

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Ban hành theo Quyết định số 1044/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023 của
Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
 - Tên tiếng Anh: International Economics
- Mã số ngành đào tạo: 7310106
- Tên chuyên ngành: **Thương mại quốc tế và logistics**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 3,5- 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế quốc tế
 - Tên tiếng Anh: Bachelor in International Economics
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Kinh tế quốc tế

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Với triết lý đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển “Giáo dục toàn diện – Đổi mới sáng tạo – Phụng sự xã hội”, chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Thương mại quốc tế và logistics có mục tiêu đào tạo trình độ cử nhân có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế, nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế học hiện đại, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm kiếm, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Việc đào tạo cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và logistics tại Học viện Chính sách và Phát triển hướng đến các mục tiêu sau:

(MT1) Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, chính sách công, pháp luật và nhà nước cũng như khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hội nhập

kinh tế quốc tế.

(MT2) Có kiến thức nền tảng cơ bản và các kiến thức chuyên môn về kinh tế thế giới, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, thấy được vai trò và tầm quan trọng của các chủ thể này trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay.

(MT3) Có hệ thống kiến thức chuyên môn sâu về sự tác động qua lại lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia; phân tích cơ sở và lợi ích của các quan hệ kinh tế quốc tế, bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường quốc tế, tài chính quốc tế, luật kinh tế quốc tế và những chính sách định hướng cho các quan hệ đó; nghiên cứu các hình thức và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến việc hoạch định chính sách thương mại quốc tế và logistics của các quốc gia.

(MT4) Hiểu và phân tích được các vấn đề về toàn cầu hóa, các rủi ro từ toàn cầu hóa mang lại cũng như các cách thức giao dịch mới trong thương mại quốc tế để có khả năng đưa ra các giải pháp ứng phó; trang bị các nghiệp vụ trong quản trị kho, bao bì, đóng gói, giao nhận, mua sắm, quản trị logistics kinh doanh... trong các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu hiện nay.

(MT5) Trang bị các công cụ toán học, thống kê kinh tế, phương pháp luận, ngoại ngữ để người học có thể hiểu, phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung và kinh tế quốc tế nói riêng; trang bị các nghiệp vụ cơ bản để thực hiện các hoạt động thương mại quốc tế và logistics; rèn luyện các kỹ năng mềm để người học để tăng khả năng thích ứng với các vị trí công việc trong tương lai.

(MT6) Có khả năng vận dụng các kiến thức về thương mại quốc tế và logistics để vận dụng vào quá trình thực thi chính sách và hoạt động quản lý, cũng như vận hành liên quan đến lĩnh vực thương mại quốc tế và logistics của quốc gia với các nước, khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế.

(MT7) Có tư cách đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Các cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có phẩm chất chính trị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước đồng thời, có tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hợp tác trong thực hiện và tự chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao.

(MT8) Có khả năng chịu được mọi áp lực trong môi trường cạnh tranh cao, đặc biệt trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

- Đạt trình độ ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

- Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế quốc tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

- Có khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học độc lập, hoạt động liên quan đến lĩnh vực thương mại quốc tế và logistics ở khu vực công và các doanh nghiệp, tổ chức.

1.2.5. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và logistics có khả năng tổ chức bảo đảm dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp phân phối, hãng hàng không, công ty xuất nhập khẩu, công ty vận tải đa phương thức, các doanh nghiệp sản xuất và cơ quan hải quan, cơ quan thuế, cơ quan quản lý nhà nước về thương mại và thương mại quốc tế:

(1) Cơ quan quản lý nhà nước liên quan tới việc hoạch định chính sách cho hoạt động thương mại quốc tế và logistics như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông Vận tải...

(2) Quản trị hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp dịch vụ;

(3) Tham gia điều hành các tập đoàn bán lẻ, các công ty tư vấn toàn cầu, các công ty cung ứng dịch vụ logistics, các doanh nghiệp vận tải biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, các đại lý hàng không, đại lý vận tải, cảng biển, ICD, cảng hàng không, tổ chức - khai thác - quy hoạch kho hàng, công ty và doanh nghiệp có ứng dụng logistics trong các hoạt động tổ chức khai thác sản xuất của doanh nghiệp;

(4) Các công ty cung ứng dịch vụ logistics liên quan khác như dịch vụ bưu chính, dịch vụ kiểm tra và phân tích kỹ thuật, dịch vụ thương mại bán buôn, bán lẻ;

(5) Làm việc tại các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học và tổ chức quốc tế, cơ quan phi chính phủ có liên quan đến thương mại quốc tế và logistics.

Vị trí công việc:

- (1) Tổ chức bảo đảm dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng quốc tế;
- (2) Điều hành phân phối trong nước và quốc tế;
- (3) Quản lý chuỗi cung ứng;
- (4) Quản lý kho vận;
- (5) Giao dịch xuất nhập khẩu;
- (6) Tư vấn giao dịch ngoại thương và logistics.

1.3. Thông tin tuyển sinh*** Đối tượng tuyển sinh:**

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

*** Phương thức tuyển sinh:**

Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện

[CDR 01] Hiểu, vận dụng phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[CDR 02] Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt là chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.

[CDR 03] Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[CDR 04] Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. Chuẩn đầu ra chung của ngành Kinh tế quốc tế

[CDR 05] Nắm vững lý thuyết và phương pháp luận của thống kê kinh tế; vận dụng các phương pháp thống kê này trong việc thu thập, xử lý và phân tích những hiện tượng kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế; sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản để phân tích dữ liệu lớn và giải quyết một số bài toán kinh tế.

[CDR 06] Hiểu một số hoạt động cơ bản của các chủ thể khác nhau trong nền kinh tế, bao gồm nhà nước và doanh nghiệp; có thể vận dụng những hiểu biết này để tổ chức thực hiện các hoạt động thương mại, đầu tư, quản lý tài chính, nghiên cứu thị trường, vận hành, điều phối các hoạt động vận tải, giao nhận, điều phối chuỗi cung ứng nội bộ doanh nghiệp cũng như kinh doanh logistics.

[CDR 07] Nắm vững kiến thức nền tảng, các quy luật, quy định pháp luật và các chính sách cơ bản trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, bao gồm đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế; vận dụng các kiến thức này để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực thương mại và đầu tư nước ngoài ở cả hai cấp độ vi mô và vĩ mô.

[CDR 08] Nhận thức được toàn cầu hóa và các rủi ro mà các quốc gia, cũng như doanh nghiệp phải đối mặt, từ đó vận dụng để phân tích và đánh giá các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi tham gia vào nền kinh tế thế giới.

A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành

[CDR 09] Hiểu và nắm được những kiến thức chuyên sâu về giao dịch thương mại quốc tế, thuế trong thương mại quốc tế, hải quan, luật hải quan vào công tác quản lý, phân tích cơ bản một số chính sách của các cơ quan nhà nước cũng như các giao dịch xuất nhập khẩu, giao nhận vận tải quốc tế của các doanh nghiệp; kiến thức về quản trị kinh doanh logistics để xử lý các công việc trong doanh nghiệp cùng lĩnh vực; vận dụng được các kiến thức vào các vị trí công việc thực tiễn sau tốt nghiệp.

[CDR 10] Hiểu và nắm vững được những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn logistics; quản trị mua hàng và chuỗi cung ứng trong thực thi và đưa ra các chính sách trong việc quyết định các chiến lược kinh doanh, hay các mô hình quản lý của các doanh nghiệp cũng như các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng; vận dụng các kiến thức quản trị kho và bao bì vào hoạch định, vận hành và kiểm soát hoạt động kho bãi, đóng gói của các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; phân tích và đánh giá được quy trình giao nhận; sáng tạo cơ bản cách điều phối linh hoạt vận hành hoạt động logistics trong bối cảnh thực tiễn tại doanh nghiệp và đề xuất giải pháp mới phù hợp với bối cảnh của doanh nghiệp thương mại và logistics.

[CDR 11] Nắm vững các kiến thức về đàm phán trong kinh doanh nội địa và quốc tế và kiến thức nghiệp vụ sâu về xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế, marketing dịch vụ, quản trị logistics kinh doanh trong các giao dịch ngoại thương và logistics; tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường của các doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng như trong giao dịch với các cơ quan nhà nước quản lý chuyên ngành thương mại quốc tế và logistics;

[CDR 12] Nắm được các kiến thức ngành như các xu hướng, biến động của kinh tế, kinh doanh của khu vực, thế giới trong đó vận dụng được các kiến thức cơ bản về đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế để hỗ trợ, bổ sung cho quá trình thực hiện các công việc liên quan đến thương mại quốc tế và logistics;

[CDR 13] Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình thực thi chính sách kinh tế, kinh tế quốc tế. Nắm được các vấn đề về toàn cầu hóa, các rủi ro từ toàn cầu hóa mang lại và khả năng đưa ra các giải pháp ứng phó với các rủi ro này; cơ bản biết sáng tạo trong đề xuất các giải pháp khả thi giúp phòng ngừa các rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp và logistics trong doanh nghiệp cũng như kinh doanh logistics.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[CĐR 14] Lặp lại và làm được các công việc trong chuyên môn khác nhau thuộc lĩnh vực thương mại quốc tế, logistics; thực hiện chính xác các nghiệp vụ logistics; có khả năng tổng hợp, tự nghiên cứu các vấn đề chuyên môn và liên quan gần với chuyên môn.

[CĐR 15] Phối hợp các kỹ năng chuyên môn thích nghi khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc; chịu được áp lực công việc về chuyên môn;

[CĐR 16] Có khả năng nghe, nói, đọc viết tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam và sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong nước và quốc tế; thực hiện thuần thục kỹ năng tin học văn phòng.

B.2. Kỹ năng mềm

[CĐR 17] Làm được, làm chính xác các công việc một cách độc lập, xác lập mục tiêu, kế hoạch; xây dựng được kỹ năng tư duy phản biện; biết sắp xếp ý tưởng, lập luận, thực hiện thuyết trình và thuyết phục dưới dạng nói và văn bản.

[CĐR 18] Phối hợp được khi làm việc nhóm, thiết lập mục tiêu, xây dựng kế hoạch, kỹ năng thực hành, điều hành, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức công việc... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo;

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

[CĐR 19] Tiếp nhận, đáp ứng và đánh giá các diễn biến công việc phát sinh, kết quả công việc chuyên môn trong thực tiễn thương mại quốc tế và logistics; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể;

[CĐR 20] Tổ chức thiết lập và hình thành phẩm chất chính trị; lối sống lành mạnh; trách nhiệm tại cơ sở tuyển dụng và xã hội; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm với kết quả thực thi công việc, trung thực; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **131 tín chỉ** (không bao gồm các học phần Tiếng Anh cơ bản 1, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), trong đó:

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không bao gồm GDTC, GDQP và TACB1)	41	31,3%
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	68,7%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	27	20,6%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	18	13,7%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	09	6,9%
2.2. Kiến thức ngành	25	19,1%
2.2.1. Kiến thức ngành bắt buộc	17	13,0%
2.2.2. Kiến thức ngành tự chọn	08	6,1%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	28	21,4%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	20	15,3%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	08	6,1%
2.4. Thực tập và tốt nghiệp	10	7,6%
2.4.1. Thực tập tốt nghiệp	04	3,0%
2.4.2. Khóa luận tốt nghiệp/ Môn thay thế	06	4,6%

3.2. Khung chương trình đào tạo

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức	Học kỳ
			(tín chỉ)	
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm TACB1, GDTC&QP)			41	

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức	Học kỳ
			(tín chỉ)	
1.	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
2.	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
3.	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
4.	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
5.	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
6.	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
7.	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
8.	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
9.	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
10.	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
11.	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
12.	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
13.	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
14.	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2
15.	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
16.	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	2
17.	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
18.	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
19.	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
20.	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
21.	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	3
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			90	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			27	
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			18	
1.	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
2.	CSCS11	Chính sách công	3	3
3.	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
4.	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	4
5.	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	5
6.	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			9	
1.	QTHO06	Quản trị học	3	3
2.	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	4
3.	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	4

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức	Học kỳ
			(tín chỉ)	
4.	TCKH04	Kế toán tài chính	3	6
5.	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	6
6.	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
7.	QTDV	Marketing dịch vụ	3	5
2.2. Kiến thức ngành			25	
<i>2.2.1. Ngành bắt buộc</i>			17	
1.	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4
2.	ĐNQT15	Đầu tư quốc tế	3	5
3.	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
4.	ĐNTC04	Toàn cầu hóa và các rủi ro	3	6
5.	TMQT11	Logistic cơ bản	3	5
6.	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	5
<i>2.2.2. Ngành tự chọn</i>			8	
1.	KHCO08	Đầu tư công	2	5
2.	KHKT11	Kinh tế phát triển	2	5
3.	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	6
4.	TCQT12	Tài chính quốc tế	2	6
5.	ĐNQT17	Quản trị dự án đầu tư nước ngoài	3	7
6.	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	5
2.3. Kiến thức chuyên ngành			28	
<i>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</i>			20	
1.	DPKT05	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	3	6
2.	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	6
3.	LUHH04	Pháp luật thương mại và vận tải hàng hóa quốc tế	3	7
4.	QTTM07	Quản trị kho và bao bì	2	7
5.	TMQT12	Quản trị Logistic kinh doanh	3	7
6.	QTTM05	Vận tải và giao nhận quốc tế	3	7
7.	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
<i>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</i>			8	
1.	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	7
2.	QTTM09	Chính sách Logistics	2	6
3.	QTKD14	Thương mại điện tử	3	6
4.	QTTM08	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	3	7
5.	QTTM04	Thuế trong thương mại quốc tế	2	6

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức	Học kỳ
			(tín chỉ)	
6.	ĐNTT16	Thư tín thương mại	3	7
2.4. Kiến thức tốt nghiệp			10	
1.	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2.	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
		Học 2 học phần tốt nghiệp	6	
	TMTN02	Logistics – tốt nghiệp	3	8
	TMTN01	Thương mại quốc tế - tốt nghiệp	3	8
TỔNG SỐ (Không bao gồm TACB1, GDTC & Quốc phòng)			131	

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm TACB1, GDTC & GDQP)				41
1.	THKT05	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, quy luật kinh tế hàng hóa; hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.	2
2.	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng.	3
3.	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô.	3
4.	THLD07	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ hiện nay.	2
5.	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên và các công thức tính xác suất. Hiểu	3

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
			các thu thập số liệu mẫu, tính toán các tham số mẫu để từ đó giải quyết được các bài toán ước lượng và kiểm định.	
6.	LUĐC01	Pháp luật đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các nguyên lý cơ bản về pháp luật, các bộ luật cơ bản, các thể thức văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam.	3
7.	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng nhận dạng, xây dựng, phát triển, thiết kế khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học.	3
8.	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1.	3
9.	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3
10.	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3
11.	TOĐC06	Tin học đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về sử dụng máy tính cơ bản, mạng Internet và đặc biệt là kiến thức tin học văn phòng gồm Word, Excel, PowerPoint.	3
12.	TOCC05	Toán cao cấp	Sinh viên cần nắm được các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích kinh tế như mô hình tuyến tính, ma trận, định thức. Ngoài ra, sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao đạo hàm, vi phân, tích phân, cực trị hàm số và ứng dụng.	3
13.	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên cần nắm được những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.	2

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
14.	THML04	Triết học Mác - Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển.	3
15.	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, nội dung lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam.	2
<i>Học phần không tính điểm</i>				
16.	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	Cung cấp kiến thức về an ninh, quốc phòng và bảo vệ tổ quốc cho sinh viên.	8
17.	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên.	2
18.	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên.	2
19.	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên.	2
20.	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh đơn giản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết đối với người mới học.	3
21.	QTKN01	Phát triển kỹ năng	Sinh viên Phối hợp được khi làm việc nhóm, thiết lập mục tiêu, xây dựng kế hoạch, kỹ năng thực hành, điều hành, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức công việc ... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo	3
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				90
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				27
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc				18
1.	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chính sách tài khóa; chính sách tiền tệ của mỗi quốc gia cũng như những khái niệm mở đầu về quản lý tài chính của doanh nghiệp.	3
2.	CSCS11	Chính sách công	Sinh viên cần nắm được kiến thức về công cụ chính sách; hoạch định và thực thi chính sách công.	3
3.	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark; biết cách trực quan hóa và phân tích dữ liệu với Tableau và Excel.	3

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
4.	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	Sinh viên cần nắm được kiến thức về doanh thu, lợi nhuận, chi phí, dòng tiền của doanh nghiệp; quản lý rủi ro tài chính doanh nghiệp	3
5.	LUKT02	Pháp luật kinh tế	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư, đầu tư công, đấu thầu, ngân sách, doanh nghiệp.	3
6.	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên cần nắm được các kiến thức, kỹ năng thống kê và phân tích thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội.	3
<i>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</i>				9
1.	QTHO06	Quản trị học	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp có thể thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.	3
2.	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Cung cấp các kiến thức nền tảng về đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, từ đó nâng cao nhận thức của sinh viên và hình thành tư duy đúng đắn trong lựa chọn nghề nghiệp và sáng tạo giá trị cho xã hội.	3
3.	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	Sinh viên nắm được các từ vựng chuyên ngành và mẫu câu giao tiếp cơ bản đến chuyên sâu phục vụ các công việc trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh.	3
4.	TCKH04	Kế toán tài chính	Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán doanh nghiệp, bao gồm kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước, kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương...	3
5.	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản, chuyên ngành về kinh tế và quản lý hoạt động đầu tư phát triển trên phạm vi vĩ mô.	3
6.	TCKT01	Nguyên lý kế toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lý thuyết hạch toán kế toán; cân đối kế toán; các phương pháp: tài khoản, tính giá, chứng từ kế toán...	3
7.	QTDV	Marketing dịch vụ	Sinh viên cần nắm được các khái niệm và công cụ để phân tích và đánh giá tác động của các nhân tố vĩ mô như kinh tế, chính trị, pháp lý, xã hội và văn	3

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
			hóa, cũng như các nhân tố vi mô đối với hoạt động marketing của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh toàn cầu; cách thức tiến hành nghiên cứu thị trường, lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường thế giới, xây dựng các chiến lược marketing mix và tổ chức bộ máy để triển khai các hoạt động marketing quốc tế cho doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.	
2.2. Kiến thức ngành				25
2.2.1. Ngành bắt buộc				17
1.	ĐNQTO9	Kinh tế quốc tế	Sinh viên cần nắm được quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế; dòng vận động của các luồng hàng hóa và dịch vụ giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới.	3
2.	ĐNQTI5	Đầu tư quốc tế	Sinh viên cần nắm được những vấn đề lý luận và thực tiễn về đầu tư quốc tế; phân tích các lý thuyết đầu tư quốc tế, các hình thức đầu tư quốc tế, yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế, các chính sách thu hút và thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài, đánh giá hiệu quả thu hút FDI, mua lại và sáp nhập trong đầu tư quốc tế.	3
3.	QLCD01	Chuyên đề thực tế	Sinh viên cần biết các kỹ năng thực tế về thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ cho hoạt động thương mại quốc tế và logistics.	2
4.	ĐNTC04	Toàn cầu hóa và các rủi ro	Sinh viên cần nắm được quá trình toàn cầu hóa của các mối quan hệ kinh tế quốc tế, biểu hiện của nó và các rủi ro liên quan tới các quan hệ kinh tế quốc tế này cũng như ảnh hưởng của các rủi ro này đến hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia; các gợi ý chính sách để phòng tránh các rủi ro.	3
5.	TMQT11	Logistics cơ bản	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản về logistics và hoạt động logistics trong doanh nghiệp như dịch vụ khách hàng, vận tải, kho và bao bì đóng gói, sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất,	3

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
			lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất với chi phí tối ưu; tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình sản xuất được tiến hành đúng mục tiêu.	
6.	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	Sinh viên cần nắm được thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các các hình thức, nguyên nhân, cơ chế điều tiết, các xu hướng phát triển thương mại quốc tế; các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế, các chính sách thương mại quốc tế; các vấn đề thương mại quốc tế đang diễn ra như hiệp định thương mại tự do và các vấn đề liên quan, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.	3
<i>2.2.2. Ngành tự chọn</i>				8
1.	KHCO08	Đầu tư công	Sinh viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư khu vực công và những cơ chế chính sách của Việt Nam trong quản lý hoạt động đầu tư công; đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư công; phương pháp lập dự án đầu tư công; thẩm định dự án đầu tư công; và đấu thầu công.	2
2.	KHKT11	Kinh tế phát triển	Sinh viên nắm được các nguyên lý phát triển kinh tế, khái quát sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ qua lại giữa kinh tế và xã hội.	2
3.	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	Sinh viên cần nắm được quá trình, phạm vi, bản chất, vai trò và những nội dung cơ bản của nghiên cứu kinh doanh, thực hiện nghiên cứu kinh doanh một cách khoa học; các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu kinh doanh; cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu có hiệu quả.	3
4.	TCQT12	Tài chính quốc tế	Sinh viên cần nắm được kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo cả hai hướng tiếp cận tài chính quốc tế vĩ mô (nghiên cứu mối quan hệ tác động qua lại lẫn	2

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
			nhau trong lĩnh vực tiền tệ và chính sách kinh tế vĩ mô giữa các quốc gia) và tài chính quốc tế vi mô (nghiên cứu những ảnh hưởng của tài chính quốc tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty).	
5.	ĐNQT17	Quản trị dự án đầu tư nước ngoài	Sinh viên cần nắm được các khái niệm, kiến thức, công cụ và kỹ thuật nhằm đạt được các mục tiêu và tăng khả năng thành công của dự án đầu tư nước ngoài đối các doanh nghiệp/công ty xuyên quốc gia khi đầu tư tại Việt Nam hoặc các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài; cách thức để dự án đầu tư đạt được các mục tiêu trong điều kiện ràng buộc về nguồn lực; quy trình, kỹ năng lập và thẩm định các dự án đầu tư nước ngoài.	3
6.	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, bao gồm khái niệm và lý thuyết giải thích sự hình thành và phát triển của kinh doanh quốc tế, các đặc điểm của môi trường và tác động của nó đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, các xu hướng và chiến lược kinh doanh toàn cầu hiện nay; hiệu quả hoạt động kinh doanh quốc tế, các chỉ tiêu đo lường và đánh giá hiệu quả xuất nhập khẩu, đầu tư quốc tế của doanh nghiệp.	3
2.3. Kiến thức chuyên ngành				28
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc				20
1.	DPKT05	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản và thực tế về đàm phán trong kinh doanh quốc tế; bản chất, mục tiêu và hình thức của giao dịch kinh doanh quốc tế; các đặc điểm văn hóa của các châu lục, các quốc gia sẽ ảnh hưởng như thế nào đến giao dịch, đàm phán kinh doanh quốc tế; các kỹ thuật mở, dẫn dắt và chốt hợp đồng; các nguyên lý và nghệ thuật trong đàm phán kinh doanh quốc tế; một số cách nhận biết nhu cầu của người tham gia đàm phán...	3

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
2.	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu, bao gồm chuẩn bị, tìm hiểu để ký kết hợp đồng, Incoterms, xây dựng hợp đồng mua bán hàng hóa, thực hiện hợp đồng, vận chuyển hàng hóa, mua bảo hiểm và thanh toán.	3
3.	LUHH04	Pháp luật thương mại và vận tải hàng hóa quốc tế	Sinh viên cần nắm được nội dung kiến thức pháp luật bao gồm pháp luật thương mại hàng hóa quốc tế, pháp luật vận tải hàng hóa quốc tế, và quan hệ pháp lí giữa các quốc gia, các tổ chức và các thương nhân trong lĩnh vực thương mại và vận tải hàng hóa quốc tế.	3
4.	QTTM07	Quản trị kho và bao bì	Sinh viên cần nắm được kiến thức về quản lý kho bãi, đóng gói trong logistics và chuỗi cung ứng, như: chức năng và hoạt động chính của kho, các quyết định quan trọng trong quản trị kho hàng, kỹ thuật phân tích hàng tồn kho, các mô hình tính toán tồn kho; khái niệm và tầm quan trọng của đóng gói và bao bì trong logistics và chuỗi cung ứng, tiêu chuẩn hóa trong bao bì theo quy chuẩn quốc tế, các xu hướng trong đóng gói và bao bì trong bối cảnh mở rộng và phát triển chuỗi cung ứng bền vững, cùng các nguyên tắc quản trị bao bì.	2
5.	TMQT12	Quản trị logistics kinh doanh	Sinh viên cần nắm được các kiến thức về quản trị logistics kinh doanh bao gồm quản trị các dịch vụ khách hàng; vật tư và quản trị mua hàng, quản trị dự trữ, tổ chức kênh phân phối; kiểm soát toàn bộ hoạt động quản trị logistics từ góc độ chiến lược tới các quá trình và hoạt động logistics tại doanh nghiệp, logistics thương mại điện tử.	3
6.	QTTM05	Vận tải và giao nhận quốc tế	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như cơ sở pháp lý của phương thức vận tải, chứng từ vận chuyển, cước phí vận chuyển, trách nhiệm của các bên trong vận chuyển hàng hóa; khái niệm, phạm vi, vai trò, trách nhiệm của người giao nhận và quy	3

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
			trình nghiệp vụ trong một số phương thức vận tải cụ thể.	
7.	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	Sinh viên cần nắm được các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận và thực tiễn nghiệp vụ về thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu, cụ thể về cách nhận diện và phòng ngừa rủi ro; các công cụ, chứng từ trong thanh toán quốc tế; các phương thức thanh toán quốc tế thông dụng; cũng như cách thức tài trợ thương mại quốc tế của ngân hàng cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay	3
<i>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</i>				8
1.	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	Sinh viên cần nắm được những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạch định và quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, vai trò và tầm quan trọng của quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, tác động của sự phát triển của công nghệ thông tin đến quản lý chuỗi cung ứng ngày nay, ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động thu mua trong chuỗi cung ứng...	3
2.	QTTM09	Chính sách logistics	Sinh viên cần nắm được kiến thức tổng quan về các chính sách trong hoạt động logistics của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là của Việt Nam, sự tác động qua lại giữa các chủ thể trong hoạt động logistics tầm vĩ mô, chính sách logistics trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế; thực trạng hoạt động logistics, các dịch vụ logistics trong vận tải, kho bãi....	2
3.	QTKD14	Thương mại điện tử	Sinh viên cần nắm được các nội dung kinh doanh trên Internet, các loại hình kinh doanh trên Internet, các điều kiện cần thiết để kinh doanh trên Internet, các vấn đề về cơ sở hạ tầng pháp lý, kinh tế, xã hội có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh trên Internet.	3

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
4.	QTTM08	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	Sinh viên cần nắm được các kiến thức căn bản về hệ thống thông tin logistics trong doanh nghiệp, các chức năng của hệ thống thông tin, các dòng thông tin logistics, các công cụ ứng dụng hệ thống thông tin logistics cho doanh nghiệp, nghiệp vụ thông tin logistics để giúp quản trị và vận hành chuỗi cung ứng sản phẩm của các doanh nghiệp trên phạm vi rộng khắp quốc gia và quốc tế.	3
5.	QTTM04	Thuế trong thương mại quốc tế	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, vai trò của thuế trong thương mại quốc tế, phân loại thuế, thuế trong các hiệp định thương mại, quy tắc xuất xứ, thuế trong các tình huống tự vệ thương mại như chống bán phá giá, chống trợ cấp và thực tiễn áp dụng thuế quan trong thương mại quốc tế của Việt Nam.	2
6.	ĐNTT16	Thư tín thương mại	Sinh viên cần nắm được các loại thư tín thương mại, bao gồm hỏi hàng, chào hàng, đặt hàng, thanh toán và khiếu nại; cũng như cách thức soạn thảo một số loại thư tín thương mại bằng tiếng Anh đáp ứng yêu cầu cơ bản về hình thức, nội dung, văn phong, phù hợp theo thông lệ và tập quán quốc tế.	3
2.4. Thực tập và tốt nghiệp				10
1.	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp		4
2.	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp		6
		Học 2 học phần tốt nghiệp		6
	TMTN02	Logistics – tốt nghiệp	Sinh viên cần nắm được những kiến thức chuyên sâu về logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại; vai trò của các chính sách liên quan đến phát triển dịch vụ logistics trong thương mại quốc tế của mỗi quốc gia; vai trò của logistics trong chuỗi cung ứng toàn cầu, quản trị dịch vụ khách hàng trong kinh doanh quốc tế logistics tích hợp, vấn đề dịch vụ logistics tại Việt Nam và trên toàn cầu.	3

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Tín chỉ
	TMTN01	Thương mại quốc tế - tốt nghiệp	Sinh viên cần nắm được những vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng, xu hướng phát triển; các lý thuyết thương mại quốc tế tân cổ điển và hiện đại; chính sách và các công cụ điều tiết hoạt động thương mại quốc tế, Tổ chức thương mại thế giới; mối quan hệ giữa thương mại quốc tế và sự phát triển kinh tế của các quốc gia.	3
TỔNG SỐ (Không bao gồm TACB1, GDTC & GDQP)				131

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

- Tư vấn cho sinh viên về chương trình học tập: mục tiêu, nội dung và cách lựa chọn các học phần cho phù hợp;

- Tư vấn cho sinh viên đăng ký các học phần của từng học kỳ, điều chỉnh kế hoạch học cá nhân phù hợp với tiến độ mục tiêu (học đúng tiến độ, học nhanh hay học chậm), tư vấn kế hoạch cụ thể của từng học kỳ cho phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành đào tạo, vừa phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh kinh tế của sinh viên;

- Tư vấn cho sinh viên sử dụng các tính năng của phần mềm quản lý đào tạo để đăng ký lịch học, hủy lịch, theo dõi kết quả học tập, thông tin cá nhân để có những đề xuất điều chỉnh cho phù hợp;

- Tư vấn và hướng dẫn cho sinh viên về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình học tập;

- Thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên, nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút, phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thông báo cho gia đình của sinh viên thuộc diện cảnh báo và buộc thôi học;

- Thảo luận và hướng dẫn sinh viên cách chọn đề học thành công song song hai chương trình, học cải thiện, cách tính điểm học tập và rèn luyện;

- Kiểm tra, ký chấp nhận hoặc từ chối vào Đơn thay đổi, hủy hoặc đăng ký học thêm, học cải thiện các học phần của sinh viên;

- Kiểm tra, xác minh và ký xác nhận và Đơn xin thôi học, bảo lưu của sinh viên;
- Phối hợp và hỗ trợ các Khoa chuyên ngành, các Phòng chức năng, các tổ chức của Học viện trong việc tổ chức các phong trào, các hoạt động ngoại khóa và tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội khác của sinh viên;
- Phối hợp với Khoa chuyên ngành, Ban cán sự lớp và các tổ chức Đoàn, Hội sinh viên để theo dõi, đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên, nhận xét và tham gia cho điểm rèn luyện theo quy định về đánh giá, xếp loại sinh viên; xét khen thưởng, kỷ luật sinh viên,...;
- Các công việc khác theo yêu cầu của Học viện và Khoa chuyên ngành.

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên chuyên ngành Đầu tư được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Học viện, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như Câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), Câu lạc bộ sinh viên tình nguyện APD, Câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, Câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa Kinh tế quốc tế và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Học viện như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động tìm kiếm các nhà tài trợ là các chủ doanh nghiệp cấp học bổng hoặc các khóa học ngắn hạn nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, thương mại quốc tế, logistics...

3.4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và tạo niềm đam mê nghiên cứu khoa học trong sinh viên, Khoa Kinh tế quốc tế định kỳ tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên. Trong chương trình đào tạo của chuyên ngành có học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học, với học phần này, sinh viên sẽ được học lý thuyết về phương pháp nghiên cứu khoa học và thực hiện các báo cáo nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của các thầy cô trong Khoa, trong Học viện thông qua tiểu luận môn học. Với những tiểu luận có chất lượng tốt sẽ được thầy cô nâng cấp thành các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Khoa. Ngoài ra, vào mỗi đầu năm học, Khoa sẽ đưa ra các danh mục các hướng đề

tài nghiên cứu khoa học sinh viên và danh sách các thầy cô hướng dẫn để sinh viên đề xuất các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành đào tạo, với nguồn lực của sinh viên. Trên cơ sở đề xuất này kết hợp với các tiêu luận đạt chất lượng tốt của môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, Khoa sẽ phân công giáo viên hướng dẫn khoa học cho các nhóm nghiên cứu để triển khai, tổ chức tọa đàm và hội nghị nghiên cứu khoa học để các nhóm nghiên cứu của sinh viên báo cáo kết quả nghiên cứu của mình trước Hội đồng và các sinh viên tham dự Hội nghị. Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên của Khoa được tổ chức với hệ thống chấm điểm theo các tiêu chí rõ ràng, công khai nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình nghiên cứu.

PHẦN 4: MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CĐR	Mục tiêu của CTĐT							
	MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7	MT8
CĐR 1	X				X			
CĐR 2	X							
CĐR 3					X			
CĐR 4	X	X						
CĐR 5					X			
CĐR 6	X	X						
CĐR 7	X	X	X					
CĐR 8	X	X	X	X				
CĐR 9			X	X	X	X		
CĐR 10				X	X	X		
CĐR 11				X		X		
CĐR 12			X	X		X		
CĐR 13			X	X		X		
CĐR 14				X	X			X
CĐR 15				X	X			X
CĐR 16					X			X
CĐR 17					X			X
CĐR 18					X			X
CĐR 19							X	X
CĐR 20							X	

4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	CHUẨN ĐẦU RA																			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm TACB1, GDTC&QP)			41																				
1	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2																		x	
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3			2																	
3	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3			2																	
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2																		x	
5	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			2																	
6	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3		2																		
7	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			2																	
8	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3																			x	
9	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3																			x	
10	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3																			x	
11	TOĐC06	Tin học đại cương	3			2																	
12	TOCC05	Toán cao cấp	3			2																	
13	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2																			x
14	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2																			x
15	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2																			x
	<i>Không tính điểm</i>																						
16	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8																				x
17	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2																				x
18	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2																				x
19	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2																				x
20	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3																				x

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	CHUẨN ĐẦU RA																			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	QTKN01	Phát triển kỹ năng	3																	x	x		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			90																				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			27																				
<i>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</i>			18																				
1	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3				4										x	x	x	x	x		x
2	CSCS11	Chính sách công	3				2																
3	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3				4										x	x	x	x	x		
4	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3				4																
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3				2	2										x		x	x	x	x
6	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3		2															x	x	x	x
<i>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</i>			9																				
1	QTHO06	Quản trị học	3				2										x	x	x	x	x		
2	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3				4										x	x	x	x	x	x	x
3	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3																x		x	x	x
4	TCKH04	Kế toán tài chính	3				4														x		x
5	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3				4														x		x
6	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3				4														x		x
7	QTDV	Marketing dịch vụ	3				4										x	x	x	x	x		
2.2. Kiến thức ngành			25																				
<i>2.2.1. Ngành bắt buộc</i>			17																				
1	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3				2	4	4	3							x	x	x	x	x		x
2	ĐNQT15	Đầu tư quốc tế	3		2		3		4									x	x	x			x
3	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2														x	x	x	x	x		x
4	ĐNTC04	Toàn cầu hóa và các rủi ro	3				2		4	5				6	6			x	x	x	x	x	x

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	CHUẨN ĐẦU RA																			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
5	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3		2		2		2	3	3	4			3		x	x	x	x	x	x	x
6	TMQT11	Logistic cơ bản	3		2		2		2	3	2						x	x	x	x	x	x	x
2.2.2. Ngành tự chọn			8																				
1	KHCO08	Đầu tư công	2				2															x	x
2	KHKT11	Kinh tế phát triển	2				2															x	x
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3				4															x	x
4	TCQT12	Tài chính quốc tế	2				2		3						4					x	x	x	x
5	ĐNQ17	Quản trị dự án đầu tư nước ngoài	3		2	2			4		4							x	x				x
6	ĐNQ11	Kinh doanh quốc tế	3			2	2	4	4					4			x	x	x	x	x	x	x
2.3. Kiến thức chuyên ngành			28																				
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			20																				
1	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3				2			3				5	4		x	x		x	x	x	x
2	DPKT05	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	3		2		2							5	5		x	x	x		x	x	x
3	LUHH04	Pháp luật thương mại và vận tải hàng hóa quốc tế	3		2		2		2	3	3	3			3	4	3	3	x			x	x
4	QTTM07	Quản trị kho và bao bì	2				2			3	3			2	3	3		x	x		x	x	x
5	TMQT12	Quản trị Logistic kinh doanh	3		2		3			3			4					x	x		x		
6	QTTM05	Vận tải và giao nhận quốc tế	3				3		3	3		4	5	5				x	x	x	x	x	x
7	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3				2			3				5	4		x	x		x	x	x	x
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn			8																				
1	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3																				
2	QTTM09	Chính sách Logistics	2							3		4	4				x		x		x		x
3	QTKD14	Thương mại điện tử	3				3		3	3		3		3	3	x	x	x	x	x			x
4	QTTM08	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	3					3	3			4			3	3		x		x	x		x
5	QTTM04	Thuế trong thương mại quốc tế	2		2				3	3		4			5				x	x	x	x	x
6	ĐNTT15	Thư tín thương mại	3														x	x	x	x	x	x	x
2.4. Kiến thức tốt nghiệp			10																				
1	TTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	3	3	3	3	4	4	4	4	5	5	5	5	5	x	x	x	x	x	x	x

STT	Môn học	Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	CHUẨN ĐẦU RA																			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	3	3	3	3	4	4	4	4	5	5	5	5	5	x	x	x	x	x	x	x
		Học 2 môn tốt nghiệp	6																				
	TMTN02	Logistics - tốt nghiệp	3				3		4				5		5	5	x	x	x	x	x	x	x
	TMTN01	Thương mại quốc tế - tốt nghiệp	3		3		3		4	4	4	5			5			x	x		x	x	x
TỔNG SỐ (Không bao gồm TACB1, GDTC & Quốc phòng)			131																				

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom:

(1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1. Thời gian đào tạo

Học viện tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cho một chuyên ngành cụ thể. Thời gian đào tạo thiết kế cho một khóa học bậc đại học chính quy ở Học viện Chính sách và Phát triển là 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 12 tuần thực học. Ngoài 2 học kỳ chính, Giám đốc Học viện xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học.

c) Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo: Thời gian tối đa cho mỗi chương trình đào tạo trình độ đại học tại Học viện là 8 năm.

5.1.2. Cách thức thực hiện

Đầu khóa học, Học viện thông báo đến sinh viên nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

a) Phòng Quản lý đào tạo: phổ biến các quy định, quy chế về đào tạo, chương trình đào tạo của tất cả các chuyên ngành trong toàn Học viện (qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa và qua Cổng thông tin đào tạo của Học viện). Đầu mỗi học kỳ thông báo kế hoạch giảng dạy và số học phần sinh viên được đăng ký, số tín chỉ cần tích lũy tối thiểu.

b) Phòng Chính trị và Công tác sinh viên: thông báo các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên như chế độ chính sách (học phí, học bổng), khen thưởng, kỷ luật... và các chế độ khác trong công tác quản lý sinh viên trong đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa.

c) Các Khoa/ Bộ môn có chuyên ngành đào tạo: thông báo đến sinh viên chương trình, kế hoạch đào tạo toàn khóa học (thông qua cố vấn học tập). Đầu mỗi học kỳ thông báo kế hoạch giảng dạy và số học phần sinh viên được đăng ký, số tín chỉ cần tích lũy tối thiểu.

d) Giảng viên giảng dạy trực tiếp: thông báo kế hoạch học tập của các học phần trong đề cương chi tiết học phần (đã được ban hành cùng với chương trình đào tạo) được phê duyệt.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp được quy định là:

- (i) Trong thời gian học tập tối đa của khóa học;
- (ii) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;
- (iii) Tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo;
- (iv) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,0 trở lên (thang điểm 4);
- (v) Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định;
- (vi) Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS;
- (vii) Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên chuyên ngành Thương mại quốc tế và logistics được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký);

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần;

- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học;

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ;

Đối với từng học phần trong chương trình đào tạo thì được đánh giá theo tiêu chí sau:

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Điểm chuyên cần	20%	Tích cực trên lớp (10%) Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
3	Thi kết thúc học phần	60%	Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

5.3. Phương pháp dạy - học

- Dựa trên triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần được thiết kế nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Chương trình đào tạo hướng tới việc đáp ứng nhu cầu sinh viên, do đó việc lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên được quan tâm. Sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện...

- Điểm chuyên cần của sinh viên được tính theo quy định chung của Học viện và được thông báo rõ cho sinh viên từ khi bắt đầu môn học. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện./.